

UBND ĐẶC KHU CÁT HẢI
PHÒNG VĂN HÓA-XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VHXH

Cát Hải, ngày tháng 12 năm 2025

V/v báo cáo thực trạng điều kiện
chuẩn bị cho công tác phổ cập giáo
dục mầm non cho trẻ em
từ 3 đến 5 tuổi

Kính gửi: Các trường Mầm non, Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi,
TH&THCS Gia Luận, TH&THCS Hiền Hào

Căn cứ Công văn số 9120/SGDDĐT-GDMN&GDTH ngày 27/11/2025 của
Sở Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo thực trạng điều kiện chuẩn bị cho công
tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Để có căn cứ đánh giá thực trạng điều kiện của các đơn vị chuẩn bị cho
công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, Phòng Văn hóa-
Xã hội yêu cầu các trường triển khai thực hiện một số nội dung cụ thể như sau:

1. Báo cáo đánh giá thực trạng các điều kiện chuẩn bị cho công tác phổ
cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn (*đề cương báo cáo
đính kèm*)

- Rà soát, thống kê số liệu (*theo mẫu biểu thống kê đính kèm*)

2. Thời gian: Báo cáo, thống kê số liệu hoàn thành vào ngày 02/12/2025,
gửi về bà Phạm Thị Hồng Kỳ, chuyên viên phòng Văn hóa- Xã hội tổng hợp báo
cáo Sở Giáo dục và Đào tạo.

Phòng Văn hóa-Xã hội yêu cầu Hiệu trưởng các trường mầm non, Tiểu
học Việt Hải, TH&THCS Gia Luận, TH&THCS Hiền Hào triển khai thực hiện
nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ông Vũ Hữu Vững-PCT UBND đặc khu (b/c);
- Lãnh đạo, CV tổ giáo dục Phòng VH-XH;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Bùi Thanh Tùng

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Thực trạng các điều kiện chuẩn bị cho công tác phổ cập giáo dục
mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi
năm học 2025-2026

I. Tình hình chung

II. Đánh giá thực trạng các điều kiện chuẩn bị cho công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

1. Quy mô trường lớp, trẻ em

- Tổng số cơ sở giáo dục mầm non (trong đó: số trường công lập, tư thục, dân lập, cơ sở giáo dục mầm non độc lập), số lớp 3-4 tuổi, 4-5 tuổi; số trẻ em 3-4 tuổi, 4-5 tuổi

- Tỷ lệ huy động trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi đến trường

- Đánh giá: Ưu điểm, hạn chế

2. Đội ngũ

- Số cán bộ quản lý, tỷ lệ đạt chuẩn trình độ đào tạo; tỷ lệ trên chuẩn - Số giáo viên dạy các lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi, 4-5 tuổi; tỷ lệ đạt chuẩn trình độ đào tạo; tỷ lệ trên chuẩn; số giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo đang đi học nâng chuẩn

- Tỷ lệ giáo viên mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi trên tổng số lớp

- Các biện pháp thực hiện để nâng cao chất lượng đội ngũ

- Đánh giá: Ưu điểm, hạn chế

3. Cơ sở vật chất

- Đánh giá cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục mầm non đối chiếu theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024.

- Tỷ lệ phòng học kiên cố, bán kiên cố.

- Số phòng học thiếu; biện pháp khắc phục phòng học thiếu (mượn bên ngoài nhà trường; ngăn đôi phòng học; sử dụng phòng chức năng, phòng làm việc)

- Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định

- Đánh giá: Ưu điểm, hạn chế

4. Chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

- Ưu điểm, hạn chế

III. Dự kiến thời gian đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

- Dự kiến thời gian đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. (Những đơn vị dự kiến đạt chuẩn sau năm 2028 nói rõ lý do vì sao)

IV. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

2. Hạn chế

3. Đề xuất, kiến nghị